

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO YÊN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/DS-ST

Ngày: 16-02-2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Giang Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Bá Đường

Ông Dương Quý Sáng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2021/TLST- DS ngày 29/10/2021 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-DS ngày 20/01/2022 **giữa các đương sự:**

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B

Địa chỉ: Tầng 1,3,4,5,6 Tòa nhà Thaiholdings Tower, số 210 đường T, quận H, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến Hg - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần B chi nhánh Lào Cai

Địa chỉ: 151 H, phường C, TP L, tỉnh Lào Cai

Người được ủy quyền lại: Ông Trần Hữu Pc - Chức vụ: Giám đốc phụ trách - Ngân hàng Ngân hàng Thương mại cổ phần B phòng giao dịch B.

Địa chỉ: Số 394 đường N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Ông P có mặt.

Bị đơn: 1. Chị Lê Thị C

Địa chỉ: Tổ 3A, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

2. Anh Phạm Hữu D

Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 26/10/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và trong quá trình xét xử nguyên đơn Ngân hàng TMCP B (Ngân hàng B) trình bày:

Ngày 18/6/2016 Ngân hàng B cho chị Lê Thị C và anh Phạm Hữu D vay tiền theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 03/180616/04/170, trong đó chị C là người vay tiền, anh D là người đồng trách nhiệm trả nợ. Số tiền Ngân hàng cho vay là 150.000.000đ không có tài sản bảo đảm, thời hạn vay 60 tháng, mục đích cho vay tiêu dùng, lãi suất cho vay 15,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, trả gốc và lãi vào ngày 20 hàng tháng theo lịch. Quá trình thực hiện hợp đồng chị C anh D đã trả được số tiền gốc là 89.000.012đ, tiền lãi là 49.475.532đ, từ ngày 20/6/2019 anh chị vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên số tiền còn nợ chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã thông báo về việc thu hồi nợ nhưng anh chị không trả được, vì vậy Ngân hàng B đề nghị Toà án giải quyết buộc chị C anh D phải trả nợ các khoản từ ngày 20/6/2019 đến ngày 16/02/2022 như sau:

Nợ gốc: 60.999.988đ

Nợ lãi trong hạn: 10.608.260đ

Nợ lãi quá hạn: 23.668.311đ.

Tổng cộng cả gốc và lãi là: 95.276.559đ

Trong thời gian chưa thanh toán nợ thì anh D chị C phải chịu lãi suất quá hạn cho đến khi tất toán khoản vay với Ngân hàng. Sau khi bản án có Toà án có hiệu lực pháp luật, nếu anh chị không trả được nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án giữ lương tại đơn vị công tác hoặc phát mại tài sản.

Đối với bị đơn, theo văn bản trình bày ý kiến ngày 28/12/2021 chị Lê Thị C trình bày: Chị thừa nhận việc chị và anh D vay tiền của Ngân hàng B và đến nay còn nợ số tiền gốc là 60.999.988đ và tiền lãi từ tháng 6/2019 là đúng. Do hoàn cảnh khó khăn nên chị xin được trả tiền gốc và đề nghị được giảm tiền lãi.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/02/2022 anh Phạm Hữu D trình bày: Anh thừa nhận việc vay tiền của Ngân hàng B là đúng, tuy nhiên do anh chị đang sống ly thân nên anh không có khả năng trả nợ, anh đề nghị Toà án yêu cầu buộc chị C trả toàn bộ số nợ trên.

Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, bị đơn không cung cấp chứng cứ gì. Đối với vụ án này Tòa án không hoà giải được do vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn giữ nguyên ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị

đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị áp dụng: Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 288, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị C và anh D phải liên đới trả nợ cho Ngân hàng TMCP B số tiền gốc là 60.999.988đ và tiền lãi tính đến ngày xét xử là 10.606.260đ, tiền lãi quá hạn: 23.668.311đ, tổng cộng là 95.276.559đ. Buộc anh chị phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo quy định trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng TMCP B từ ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Tuyên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các đương sự theo đúng quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Ngân hàng TMCP B khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với chị Lê Thị C và anh Phạm Hữu D. Căn cứ vào Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ **khoản 1 Điều 228** Bộ luật tố tụng dân sự Toà án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 03/180616/04/170 ngày 18/6/2016, chị C anh D vay Ngân hàng B số tiền 150.000.000đ mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng, hợp đồng được giao kết tự nguyện và hợp pháp. Căn cứ vào các tài liệu về quá trình trả nợ thì chị C và anh D đã trả được số tiền gốc 89.000.012đ, tiền lãi 49.475.532đ, từ tháng 6/2019 anh chị đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 4 của hợp đồng. Căn cứ Điều 7 Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và thu hồi nợ trước hạn. Trước khi thu hồi nợ Ngân hàng đã thông báo cho anh chị biết nhưng anh chị không trả được nợ. Vì vậy Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B, buộc chị C và anh D phải trả số tiền vay còn nợ là 60.999.988đ và tiền lãi từ ngày 20/6/2019 đến nay.

Tại lời khai ngày 09/02/2022, anh D cho rằng anh và chị C đang sống ly thân nên đề nghị buộc chị C phải trả toàn bộ số nợ. Xét thấy ý kiến của anh là không có căn cứ bởi lẽ tại hợp đồng tín dụng đã ký anh D là người đồng trách nhiệm trả nợ với chị C.

[3]. Đối với yêu cầu trả tiền lãi của hợp đồng tín dụng:

Theo thoả thuận tại Điều 2 Hợp đồng tín dụng thì các bên thoả thuận lãi suất cho vay trong hạn là 15,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Ngân hàng B đã cung cấp bảng kê tính tiền lãi từ ngày 20/6/2019 đến thời điểm xét xử ngày 16/02/2022 trong đó nợ lãi trong hạn: 10.608.260đ, nợ lãi quá hạn:

23.668.311đ. Xét thấy bảng kê tính lãi của Ngân hàng là chính xác và phù hợp với các thoả thuận trong hợp đồng nên cần chấp nhận.

Như vậy cần buộc anh D chị C phải liên đới trả cho Ngân hàng số tiền: Nợ gốc: 60.999.988đ, nợ lãi trong hạn: 10.608.260đ, nợ lãi quá hạn: 23.668.311đ, tổng cộng là: 95.276.559đ. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử, anh chị còn phải trả tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Ngoài ra tại đơn khởi kiện nguyên đơn đề nghị giải quyết trường hợp anh D chị C không trả được nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án giữ lương tại đơn vị công tác hoặc phát mại tài sản. Đối với yêu cầu này thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án dân sự.

[4]. Anh D và chị C phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 288, 466, 468, 688 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1/ Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B

Buộc chị Lê Thị C và anh Phạm Hữu D phải liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 03/180616/04/170 ngày 18/6/2016 gồm: Tiền gốc: 60.999.988đ, tiền lãi trong hạn: 10.608.260đ, tiền lãi quá hạn: 23.668.311đ. Tổng cộng là: 95.276.559đ.

Quy phần cụ thể: Chị Lê Thị C và anh Phạm Hữu D mỗi người phải trả 47.638.279đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị Lê Thị C và anh Phạm Hữu D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3/ Về án phí: Chị Lê Thị C và anh Phạm Hữu D mỗi người phải chịu 2.381.900đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần B được trả lại 2.252.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0003386 ngày 29/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC;
- VKSND tỉnh LC;
- VKSND huyện Bảo Yên;
- Đường sự;
- Chi cục THADS Bảo Yên;
- Lưu HS, TA, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(đã ký

Hoàng Thị Giang Thanh

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Giang Thanh

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Giang Thanh